

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 219/2021/HS-ST
Ngày: 27-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tất Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 208/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2021/QĐXXST-HS ngày 10/12/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1992 tại tỉnh A. Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Sửa xe mô tô; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị Trúc L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/8/2021 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975. Nơi đăng ký thường trú: Thôn 9, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; tạm trú: đường D8, khu phố 01, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 2000. Nơi đăng ký thường trú: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: đường D8, Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Anh T, sinh

năm 1972. Nơi cư trú: Ấp 1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Trần Phước L; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 16/8/2021, Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô hiệu Fuljir, màu nâu, biển số 63V2-0652 đi đến kiốt của bà Nguyễn Thị X tại đường D8, khu phố 01, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để hỏi mua rau; trong lúc T đang chọn rau thì T thấy trong giỏ đựng cà chua có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64 Gb, màu đen, có gắn ốp lưng màu hồng và bên cạnh giỏ đựng cà chua có 01 ví da màu đỏ, nên T nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại và ví da này. Để thực hiện ý định, T giả vờ nói bà X làm 09 phần mì xào thịt bò để T mang về, Tuấn còn nhờ chị Nguyễn Thị P (là con của bà X) đi qua tiệm tạp hóa gần đó mua thêm mì gói giúp T, để làm cho bà X và chị P không chú ý được đến T.

Lợi dụng lúc bà X đang xào mì còn chị P đi mua mì gói, T đã lấy trộm điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64 Gb, màu đen, có gắn ốp lưng màu hồng và chiếc ví da màu đỏ rồi lên xe tẩu thoát. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày 16/8/2021, T điều khiển xe mô tô Fuljir, biển số 63V2-0652 đi đến khu vực giao lộ đường Phạm Ngọc T và đường M - T, đoạn qua khu phố 05, phường P, thành phố T, T dừng xe lại để kiểm tra tài sản lấy trộm; T thấy trong chiếc ví da màu đỏ của bà X có số tiền 10.500.000 đồng. Lúc này, T lấy hết số tiền rồi rút chiếc ví da và ốp lưng điện thoại ở ven đường rồi bỏ đi. Sau đó, T dùng số tiền 5.000.000 đồng để trả nợ, còn số tiền 5.500.000 đồng thì T cất giữ.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, bà Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị P đến Công an phường P để trình báo sự việc. Đồng thời, bà X liên hệ với anh Trần Phước L (trước đây là thành viên của lực lượng phòng chống tội phạm phường Phú Hòa) và cung cấp thông tin, đặc điểm nhận dạng của T để nhờ hỗ trợ tìm kiếm T. Qua những thông tin do bà X cung cấp, anh L nghi ngờ Nguyễn Hữu T là người đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên liên hệ với T đến khu vực ngã tư C thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để gặp anh L. Khoảng 13 giờ cùng ngày 16/8/2021, T đem theo điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64 Gb, màu đen và số tiền 6.284.000 đồng đến gặp anh L thì bị anh L đưa đến Công an phường P để làm việc. Qua làm việc, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản như đã nêu trên của T, đồng thời giao nộp các vật chứng, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64 Gb, màu đen, số imei DX5F865UN735 và số tiền 6.284.000 đồng (trong đó gồm có số tiền 5.500.000 đồng đã trộm cắp được và số tiền 784.000 đồng là tiền cá nhân của T. Công an phường P tiến hành lập hồ sơ vụ việc và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 202/KLTS-TTHS ngày 19/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một,

kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64 Gb, màu đen, số imei DX5F865UN735, trị giá 16.000.000 đồng; 01 ví da, màu đỏ, trị giá 100.000 đồng; 01 ốp lưng, màu hồng, trị giá 50.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64 Gb, màu đen, số imei DX5F865UN735 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị P; ngày 25/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả cho chị P, chị P không yêu cầu gì đối với Nguyễn Hữu T. Đối với số tiền 6.284.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Hữu T. Quá trình điều tra, T xin được bồi thường cho bà X số tiền 784.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả; ngày 23/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả số tiền 6.284.000 đồng cho bà X, bà X yêu cầu T bồi thường thêm số tiền 4.216.000 đồng mà T đã chiếm đoạt của bà X.

Đối với xe mô tô hiệu Fuljir, màu nâu, biển số 63V2-0652, số máy 52FMH*32131043, số khung CWCH032HC010801 do ông Trần Anh T đứng tên chủ xe trên Giấy chứng nhận đăng ký xe, quá trình điều tra, xác định: Năm 2017, ông T đã bán xe mô tô trên cho một người bạn (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú). Hiện tại, ông T không yêu cầu gì đối với xe mô tô trên. Qua làm việc, Nguyễn Hữu T khai nhận: T mua xe mô tô hiệu Fuljir màu nâu, biển số 63V2-0652 của một người mua bán xe cũ (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú). Vào các ngày 15, 16 và 17/10/2021, Báo Tuổi trẻ đã đăng tin truy tìm chủ sở hữu xe mô tô trên, tuy nhiên đến nay không ai đến liên hệ với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để giải quyết, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định chuyển đơn Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Tại Bản Cáo trạng số 211/CT-VKS-HS ngày 16/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố,

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng trong quá trình điều tra; vật chứng của vụ án và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Khoảng 09 giờ ngày 16/8/2021, tại kiốt có địa chỉ tại: đường D8, khu phố 01, phường P, thành phố T, Nguyễn Hữu T đã thực hiện hành vi trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, loại 64 Gb, màu đen, ốp lưng màu hồng của chị Nguyễn Thị P và 01 ví da, màu đỏ bên trong có số tiền 10.500.000 đồng của bà Nguyễn Thị X; tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 26.650.000 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố tình thực hiện; do đó, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng như nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã đem tài sản chiếm đoạt trả cho bị hại để khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng, nên đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản của chị Nguyễn Thị P đã được thu hồi giao trả đủ, chị P không có yêu cầu nào khác; tại phiên tòa, bà X yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; bị cáo đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu

của bà X nên Hội đồng xét xử ghi nhận; cần buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của bà X.

[8] Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô hiệu Fuljir màu nâu, biển số 63V2-0652 là tài sản hợp pháp của bị cáo, nên cần quản thủ để bảo đảm cho việc thi hành án.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 260, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 16/8/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T bồi thường cho bà Nguyễn Thị X số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa bồi thường hoặc bồi thường không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên quản thủ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Fuljir màu nâu, biển số 63V2-0652, số máy 52FMH*32131043, số khung CWCH032HC010801 của bị cáo Nguyễn Hữu T để bảo đảm thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 020.22 ngày 11/11/2021, giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường